

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND xã Mê Linh)

Đơn vị: nghìn đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.203.392.000	TỔNG SỐ CHI	798.002.000
Tổng các khoản thu cân đối NS xã	798.002.000	I. Chi đầu tư phát triển	452.900.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	266.615.000	<i>Trong đó: Tiết kiệm 5% chi ĐTXD để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng</i>	12.670.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	38.407.000	II. Chi thường xuyên trong cân đối	256.833.000
III. Thu bổ sung	492.980.000	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương và các khoản chi cho con người) để thực hiện CCTL</i>	10.657.000
- Bổ sung cân đối	220.991.000	III. Chi thường xuyên từ nguồn KP mục tiêu thành phố	72.489.000
- Bổ sung có mục tiêu	271.989.000	IV. Dự phòng	15.780.000
IV. Thu chuyển nguồn		V. Dành nguồn CCTL từ tăng thu	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND xã Mê Linh)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1.203.392.000	1.203.392.000
	Tổng các khoản thu cân đối NS xã	798.002.000	798.002.000
I	Các khoản thu 100%	266.615.000	266.615.000
	Thuế tài nguyên	20.000	20.000
	Lệ phí trước bạ nhà đất	9.330.000	9.330.000
	Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền	34.010.000	34.010.000
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.250.000	3.250.000
	Phí, lệ phí xã, phường quản lý thu	253.000	253.000
	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	29.692.000	29.692.000
	Thu tiền sử dụng đất khi nhà nước giao đất, đấu giá QSD đất giao cho các cá nhân, hộ gia đình	177.500.000	177.500.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	7.000.000	7.000.000
	Tiền sử dụng đất khác	4.000.000	4.000.000
	Thu đền bù do nhà nước thu hồi đất	-	-
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	
	.- Thu khác NS Xã thực hiện quản lý thu	1.560.000	1.560.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	38.407.000	38.407.000
	Thuế giá trị gia tăng	20.637.400	20.637.400
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	12.800	12.800
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.449.600	5.449.600
	Thuế TNCN do Thuế cơ sở quản lý thu	12.307.200	12.307.200
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	492.980.000	492.980.000
	Thu bổ sung cân đối	220.991.000	220.991.000
	Thu bổ sung có mục tiêu	271.989.000	271.989.000
	Bổ sung chi ĐTXD cơ bản	199.500.000	199.500.000
	Bổ sung chi thường xuyên	72.489.000	72.489.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND xã Mê Linh)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	798.002.000	452.900.000	345.102.000
	Trong đó	-		
1	Chi giáo dục	211.971.000	37.425.000	174.546.000
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	2.955.000		2.955.000
3	Chi y tế, DS	17.910.928		17.910.928
4	Chi văn hóa, thông tin	91.536.603	86.000.000	5.536.603
5	Chi phát thanh, truyền thanh	550.000		550.000
6	Chi thể dục thể thao	550.000		550.000
7	Chi bảo vệ môi trường	15.300.000	7.000.000	8.300.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	226.627.500	224.805.000	1.822.500
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	153.853.242	85.000.000	68.853.242
10	Chi an ninh, quốc phòng	7.214.123		7.214.123
11	Chi đảm bảo xã hội	40.269.400		40.269.400
12	Chi khác (Điều hành chung phân bổ trong năm)	814.204	-	814.204
13	Dự phòng ngân sách	15.780.000		15.780.000
14	Dành nguồn thực hiện CCTL từ nguồn tăng thu	-		-
15	Tiết kiệm 5% chi ĐT XD để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	12.670.000	12.670.000	

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN(1) NĂM 2026
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND xã Mê Linh)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026					
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Tráo thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn			
								NS thành phố hỗ trợ	Nguồn phân cấp	Tiền sử dụng đất	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		908.787	0	168.533	168.533	440.230	0	199.500	68.305	172.425	0
1. Công trình chuyển tiếp		629.013	0	168.533	168.533	222.230	0	105.000	13.805	103.425	0
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dân cư dịch vụ tại thôn Trung Hậu Đoài, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	2024-2026	43.386		6.333	6.333	20.000		20.000			
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dân cư dịch vụ tại thôn Do Hạ, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	2024-2026	32.919		300	300	9.000		9.000			
						0					
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ đầu giá QSD đất tại điểm HL2, xã Mê Linh, huyện Mê Linh	2022-2024	18.112		100	100	13.000				13.000	
Xây dựng trường mầm non Tiên Phong, xã Tiên Phong	2024-2027	116.324		40.000	40.000	37.425			13.805	23.620	
Tu bổ tôn tạo chùa di tích Đền Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	2024-2026	49.195		14.000	14.000	20.000		20.000			
Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Linh Quang, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	2024-2027	52.593		15.000	15.000	31.000		31.000			
Cải tạo, chỉnh trang hồ Ba Góc tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh.	2023-2025	17.994		8.000	8.000	7.000				7.000	
Cải tạo, chỉnh trang đường giao thông trục chính xã Tráng Việt, huyện Mê Linh (gồm 03 tuyến)	2025-2027	12.138		5.000	5.000	5.000		5.000			
Cải tạo, chỉnh trang đường giao thông, rãnh thoát nước ven làng thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh.	2025-2027	11.313		5.000	5.000	5.000		5.000			
Cải tạo, mở rộng đường giao thông trục chính xã Văn Khê, huyện Mê Linh (tuyến ven làng thôn Khê Ngoại 3, Khê Ngoại 4)	2025-2027	20.396		10.000	10.000	8.000		8.000			
Cải tạo, nâng cấp đường và rãnh thoát nước thôn Văn Quán 1, xã Văn Khê, huyện Mê Linh.	2025-2027	13.954		10.000	10.000	1.000		1.000			
Cải tạo, nâng cấp đường và rãnh thoát nước thôn Do Hạ, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (14 tuyến)	2023-2025	12.678		10.000	10.000	1.000				1.000	
Xây dựng, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thôn Tráng Việt, thôn Điệp Thôn, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh.	2025-2027	11.571		8.000	8.000	1.000		1.000			
Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thôn Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	2025-2027	13.809		8.000	8.000	2.000		2.000			
Xây dựng, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thôn Trung Hậu Đông, Trung Hậu Đoài, Phố Yên, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh.	2025-2027	8.270		6.500	6.500	500		500			
Xây dựng, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thôn Do Hạ, Do Thượng, Ấp Trung, Ấp Giữa, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh.	2025-2027	13.045		8.000	8.000	1.000		1.000			
Xây dựng, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thôn Yên Nhân, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh.	2025-2027	8.254		6.500	6.500	500		500			
Xây dựng, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thôn 3 Hạ Lôi, thôn 4 Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh.	2025-2027	9.826		7.800	7.800	1.000		1.000			
Xây dựng chợ Tiên Phong, huyện Mê Linh	2025-2026	125.460				38.805				38.805	
Trụ sở, hội trường Đảng ủy - HĐND - UBND và nhà truyền thống xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (Giai đoạn 1: Giải phóng mặt bằng, xây dựng sân, tường rào, nhà truyền thống xã)	2021-2023	37.776				20.000				20.000	
Trong đó: hoàn thành trong năm											
-											
-											
2. Công trình khởi công mới		279.774	0	0	0	218.000	0	94.500	54.500	69.000	0
Xây dựng khu vui chơi sinh hoạt cộng đồng - thể dục thể thao dân cư thôn Do Hạ, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh.	2025-2027	49.167				35.000				35.000	
Cải tạo, chỉnh trang nâng cấp đường giao thông trục chính thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	2025-2027	15.383				13.000			10.000	3.000	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục chính thôn Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	2025-2027	18.345				13.000			10.000	3.000	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và rãnh thoát nước trục chính thôn Khê Ngoại 3, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	2025-2027	9.144				7.500		7.500			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và rãnh thoát nước trục chính và ngõ xóm thôn Văn Quán 1, thôn Văn Quán 2, xã Văn Khê, huyện Mê Linh	2025-2027	13.412				10.000		10.000			
Cải tạo, chỉnh trang nâng cấp mặt đường và rãnh thoát nước trục chính thôn Trung Hậu Đông, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh.	2025-2027	5.074				4.500			4.500		
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và rãnh thoát nước thôn Yên Nhân, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (gồm 20 tuyến).	2025-2027	15.117				12.000		12.000			
Cải tạo, nâng cấp đường và rãnh thoát nước các tuyến đường trục chính và ngõ xóm thôn Yên Nhân, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (gồm 07 tuyến)	2025-2027	13.666				10.000			10.000		
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và rãnh thoát nước thôn Yên Nhân, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (gồm 09 tuyến)	2025-2027	12.994				10.000			10.000		
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông, rãnh thoát nước trục chính và ngõ xóm thôn 3 Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh (gồm 25 tuyến)	2025-2027	19.806				10.000			10.000		
Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Mê Linh, huyện Mê Linh	2024-2027	70.715				65.000		65.000			
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông, rãnh thoát nước trục chính và ngõ xóm thôn 4 Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh (gồm 15 tuyến)	2025 - 2027	16.162				12.000				12.000	
Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính từ ngã tư (Bốt công an xã cũ) đi nghĩa trang nhân dân 03 thôn Trung Hậu Đông, Trung Hậu Đoài, Phố Yên, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	2025 - 2027	11.692				8.000				8.000	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông ngõ xóm và rãnh thoát nước thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh (gồm 23 tuyến)	2025 - 2027	9.097				8.000				8.000	
-											
Trong đó: hoàn thành trong năm											
-											
-											
...											

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND xã Mê Linh)

Đơn vị: nghìn đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2026		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	380.742	17.780	362.962	250.000	250.000	-
Quỹ vì người nghèo	203.987	31.500	172.487	210.000	210.000	-
-						
- ...						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi